

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST

Ngày 15 - 6 - 2020

V/v Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Út Mẫn**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thị Ngọc Trân**
Bà **Phạm Kiều Diễm**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Danh Quàng** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2020 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 13/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Chang Shun T**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: 3-3 Ngõ 8, hẻm 324, đường T, khóm 004, phường Q, khu T, thành phố T, Đ.

- *Bị đơn:* Chị **Đỗ Thị Mỹ Q**, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện G, tỉnh K.

(Nguyên đơn, bị đơn đều xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và bản tự khai anh Chang Shun T trình bày:

Anh và chị Đỗ Thị Mỹ Q quen biết nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh K cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 15/6/2018. Thời gian đầu anh và chị Q chung sống hạnh phúc, tuy nhiên

về sau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng tính tình và lối sống, công việc, nơi cư trú, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, chị Q ở lại Việt Nam, còn anh trở về Đài Loan, từ đó đến nay anh không trở về Việt Nam nữa. Giữa hai bên cũng không thư từ hay điện thoại gì với nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với chị Q.
- Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại văn bản đồng ý ly hôn chị Đỗ Thị Mỹ Q trình bày: Chị và anh Chang Shun T được Ủy ban nhân dân huyện Giồng Riềng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 15/6/2018, tuy nhiên chưa làm tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn anh Chang Shun T trở về Đài Loan không tin tức, từ đó đến nay tôi cũng không liên lạc anh Chang Shun T. Nay anh Chang Shun T có khởi kiện yêu cầu ly hôn, chị đồng ý; về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, chị có đơn xin xét xử vắng mặt tại các phiên làm việc, phiên tòa xét xử vụ án.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của nguyên đơn và bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Chang Shun T và chị Đỗ Thị Mỹ Q đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Anh Chang Shun T và chị Đỗ Thị Mỹ Q kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn và được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại Việt Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/6/2018. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định quan

hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh Chang Shun T và chị Đỗ Thị Mỹ Q trở về Đ sinh sống, điều kiện sống cách xa nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng ngôn ngữ, tính cách. Nhận thấy, không còn tình cảm với nhau, nên anh Chang Shun T làm đơn yêu cầu ly hôn, chị Q cũng có văn bản đồng ý ly hôn với anh Chang Shun T.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh Chang Shun T và chị Q lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên trong nghị án Hội đồng xét xử thống nhất cho anh Chang Shun T được ly hôn với chị Q.

Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị xác định không có, nên Tòa án không giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Chang Shun T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 37; Điều 228; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Phần tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Chang Shun T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Chang Shun T được ly hôn với chị Đỗ Thị Mỹ Q.

2. Về quan hệ con chung: Không có, nên Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên Tòa án không xem xét không xem xét.

4. Về án phí: Anh Chang Shun T nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp (do anh Đặng Văn T nộp thay) theo biên lai thu tiền án phí, lệ phí Tòa án số 0003039 ngày 13/3/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh K.

5. Quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị Mỹ Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày. Riêng anh Chang Shun T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh K;
- Cục THA dân sự tỉnh K;
- UBND huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Út Mẫn